

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1. Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1981; nơi cư trú: C đường D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai); vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1988; nơi cư trú: 674 tỉnh lộ 43, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: H đường C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1985; nơi cư trú: B đường số I, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hồ N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm D, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An); có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu C*: Ông Hoàng Văn A và ông Phạm Đức H3 - Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hồ N*: Bà Nguyễn Thị C1 - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/7/2023, Tổ tuần tra hình sự đặc nhiệm thuộc Đ2 Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Tổ tuần tra) gồm: Trung tá Nguyễn Duy T1 là tổ trưởng tổ đặc nhiệm, Thượng úy Nguyễn Hữu C, Trung tá Huỳnh Ngọc T2, Đại úy Nguyễn Tuấn S1, Đại úy Nguyễn Tấn P và Trung úy Nguyễn Văn H2 là tổ viên, đi tuần tra trên các tuyến đường N, Nguyễn Cơ T3, Lê Văn T4, Lê Hữu K, KDC 152ha, Nguyễn Thị Đ, xa lộ H, T, KDC S, khu hành chính, đường L, khu L và tuyến R12... theo Kế hoạch tuần tra, mật phục, phòng chống tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản trên đường phố và nơi công cộng trên địa bàn thành phố T của Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Kế hoạch số 67 ngày 04/7/2023).

Đến khoảng 15 giờ ngày 10/7/2023, khi Tổ tuần tra đi đến trước nhà số A đường Đ, phường T, thành phố T thì phát hiện Nguyễn Hồ N đang điều khiển chiếc xe mô tô biển số 59S2 – 901.86 có biểu hiện nghi vấn, nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính. Do Nguyễn Hồ N không xuất trình được giấy phép lái xe, nên Tổ công tác đưa N về trụ sở Công an phường T và tại đây ông Nguyễn Duy T1 lấy 02 chiếc điện thoại của N để kiểm tra thì phát hiện bên trong 02 điện thoại có nhiều tin nhắn với nhiều người, có nội dung cho vay tiền lãi suất cao. Ông T1 hỏi thì N thừa nhận có cho người khác vay tiền với lãi suất cao đồng thời xin chung chi tiền cho Tổ tuần tra để bỏ qua vi phạm. Ông T1 cùng Nguyễn Hữu C đưa N xuống khu vực nhà bếp của trụ sở Công an phường T để làm việc, ông T1

đưa tờ giấy bảo N ghi thông tin của những người vay tiền thì N liệt kê khoản từ 05 đến 06 người vay tiền của N, còn C thì hỏi N: “Giờ mày muốn thế nào” thì N trả lời: “Các anh cho em nộp phạt rồi về”. C hỏi: “Trong tài khoản mày có bao nhiêu tiền” thì N trả lời: “Có khoản ba đến bốn triệu đồng”, C hỏi tiếp: “Trong túi xách mày có bao nhiêu tiền” thì N nói: “Có khoảng tám trăm ngàn đồng”. Nghe vậy C lắc đầu và hỏi: “Giờ mày lo được bao nhiêu tiền” thì N trả lời: “Hiện tại em có thể mượn được một trăm triệu đồng” thì C hỏi “Mày có chắc không” thì N nói: “Chắc”. Sau đó C hỏi địa chỉ nơi ở của N, rồi dùng xe mô tô hiệu Vario, biển số 59B1-13393 chở N đến nơi cư trú để N lấy giấy tờ liên quan đến việc N cho vay, cùng đi với C còn có Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S. Quá trình C hỏi N tại nhà bếp của trụ sở Công an phường T thì Nguyễn Duy T1 đi qua, đi lại tại phòng này.

Sau khi chở N về nhà trọ lấy tài liệu xong thì C chở N về lại trụ sở Công an phường T và cũng đưa N vào phòng bếp. Tại đây C hỏi N: “Giờ mày gọi cho ai, chắc chắn có tiền không” thì N nói: “Cho em gọi đến em gái”, nên C đến nói Nguyễn Duy T1 đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N cho C, để C đưa cho N gọi. N bật loa ngoài gọi đến em là Nguyễn Thị N1 hỏi mượn tiền, nhưng N1 nói không có tiền. N gọi cho vợ là Trần Thị T5 nói: “Anh bị Công an bắt lỗi vì cho vay lãi nặng, em tìm gấp cho anh một trăm triệu đồng để nộp cho các anh, để các anh cho về, em hỏi vay tiền chị A1 xem sao” thì T5 trả lời: “Đạ”. Khoảng vài phút sau thì T5 gọi lại nói “Em vừa chuyển một trăm triệu đồng vào tài khoản T6 của anh rồi” thì N nói với C “Để em chuyển khoản cho các anh” thì C nói “Không được” và hỏi N: “Mày có thẻ ATM không, có rút được hết tiền không” thì N trả lời: “Có”. Quá trình C hỏi N thì Nguyễn Duy T1 ngồi bên cạnh.

Sau khi nghe N nói có thẻ ATM và có thể rút được 100.000.000 đồng thì C dùng xe mô tô hiệu Vario, biển số 59B1-133.93 chở N đi rút tiền, khi đi thì C nói Huỳnh Ngọc T2 cùng đi. Vì có sự chỉ đạo trước đó của Nguyễn Duy T1 nên Huỳnh Ngọc T2 lấy xe mô tô chở Nguyễn Tuấn S đi theo để hỗ trợ cho C. Chết chở N đến khu vực chung cư S đường N, phường B, thành phố T thì dừng lại rồi nói với T2 và S ở bên ngoài chờ, còn C chở N vào trụ ATM ngân hàng T6 nằm trong khu chung cư để Ngân rút tiền. Do định mức số tiền rút trong ngày cao nhất chỉ có 50.000.000 đồng, nên sau khi rút được 50.000.000 đồng thì N mang ra và trình bày với Chất lý do chỉ rút được 50.000.000 đồng thì C mở cốp xe để N bỏ tiền vào và hỏi N: “Còn năm mươi triệu đồng nữa, giờ tính sao” thì N trả lời: “Để chuyển tiền cho bạn, nhờ rút tiền giúp”. Chất đưa điện thoại hiệu Iphone 11 Pro cho N và N đến Lưu Đức G, nhờ G nhận chuyển khoản 50.000.000 đồng và rút tiền giúp N thì G đồng ý. Ngân chuyển 50.000.000 đồng qua Internet Banking đến số tài khoản số 147557051, do Lê Đức G1 mở tại Ngân hàng V, đồng thời nói G1 đến trụ ATM ngân hàng V số 640 đường N, phường T, thành phố T rút tiền cho N. Gọi cho G1 xong thì N đưa lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro cho C giữ và C chở N đến trụ ATM ngân hàng V số 640 đường N, để lấy tiền. Thấy C chở N đi thì Huỳnh Ngọc T2 cũng chở Nguyễn Tuấn S đi theo và khi đến trụ ATM của ngân hàng V, số F đường N, phường T thì C, T2 và S đứng chờ bên ngoài tường rào ngân hàng V, còn N và G1 vào trong trụ ATM để rút tiền. Sau khi rút được

50.000.000 đồng thì G1 đưa cho N và N cầm số tiền này bỏ vào cốp xe của C đã mở sẵn, rồi C chở N về lại trụ sở Công an phường T và báo cáo toàn bộ sự việc cho Nguyễn Duy T1 biết. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày thì Nguyễn Duy T1 bàn giao Nguyễn Hồ N cho Công an phường T xử lý hành chính về hành vi cho vay lãi nặng và hành vi không có Giấy phép lái xe mô tô. Trước khi giao Nguyễn Hồ N cho Công an phường T thì Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu C căn dặn N không được nói cho người nào biết việc đưa số tiền 100.000.000 đồng và trấn an N2 là mọi việc đã được C và T1 lo.

Khi Công an phường T tiến hành lấy lời khai thì N2 xin về và trình bày đã đưa 100.000.000 đồng cho Tổ tuần tra để không xử lý N2 về hành vi cho vay lãi nặng, nên Công an phường T báo cáo với Ban chỉ huy Công an thành phố T về sự việc mà N2 đã khai.

Ngày 11/7/2023, khi bị chỉ huy Đ2 Công an thành phố T mời Nguyễn Hữu C làm việc thì C biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện, nên đã tự nguyện giao nộp lại 100.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro của N2 cho Công an thành phố T để xử lý.

Tại các Bản Kết luận giám định ngày 27/10/2023, ngày 03/11/2023, ngày 07/11/2023, ngày 15/11/2023 và ngày 26/12/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H trích xuất dữ liệu điện thoại tạm giữ của Nguyễn Hữu C, Nguyễn Duy T1, Huỳnh Ngọc T2, Nguyễn Tuấn S, Nguyễn Tấn P và Nguyễn Văn H2. Kết quả chưa phát hiện thông tin liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 10758/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H trích xuất dữ liệu điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro và điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Hồ N. Kết quả thể hiện N có thông tin cuộc gọi đi, gọi đến với Trần Thị T5 và Lưu Đức G, phù hợp với thời gian diễn ra vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1539/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro của Nguyễn Hồ N có giá trị tại thời điểm ngày 10/7/2023 là 7.726.000 đồng.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Tiến hành cho Nguyễn Hồ N và Lưu Đức G xác định địa điểm rút tiền. Kết quả Nguyễn Hồ N xác định đúng địa điểm nơi rút tiền là tại số C N, phường B, thành phố T và Lê Đức G1 xác định đúng địa điểm nơi rút tiền tại số F đường N, phường T, thành phố T.

Xác minh, thu thập được dữ liệu camera tại trụ ATM ngân hàng T6 tại số C N thể hiện có hình ảnh Nguyễn Hữu C chở Nguyễn Hồ N đi rút tiền, có T2 và S chờ bên ngoài vào thời gian diễn ra vụ án trên.

Xác minh sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Hồ N và Lưu Đức G trong ngày 10/7/2023, thể hiện có giao dịch từ Trần Thị Thúy chuyển khoản 100.000.000 đồng cho N vào tài khoản của N lúc 17 giờ 11 phút. Từ thời gian 17

giờ 27 phút đến 17 giờ 31 phút thì N rút 50.000.000 đồng từ trụ ATM ngân hàng T6 và chuyển khoản cho G số tiền 50.000.000 đồng vào lúc 17 giờ 45 phút. Giàu có nhận số tiền chuyển khoản 50.000.000 đồng của N chuyển và sau đó G rút số tiền 50.000.000 đồng trong 10 lần, từ thời gian 17 giờ 56 phút đến 18 giờ 06 phút, tại trụ ATM ngân hàng V.

Kiểm tra điện thoại Iphone 11 Pro của N, thể hiện vào lúc 15 giờ 10 phút ngày 10/7/2023, N trả lời tin nhắn với Nguyễn Thị H4, cuộc gọi đi, đến giữa N với N1, T5 (N1 và T5 là người mà N khai gọi hỏi mượn tiền), giữa N với G (N khai nội dung trao đổi về chuyển tiền nhờ G rút), nội dung chuyển khoản giữa Trần Thị T5 cho N số tiền 100.000.000 đồng và N chuyển cho Lưu Đức G số tiền 50.000.000 đồng.

Xác minh, sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Hồ N thể hiện: Ngày 10/7/2023, Trần Thị T5 chuyển khoản 100.000.000 đồng cho N, sau đó N rút 50.000.000 đồng và chuyển khoản cho G 50.000.000 đồng.

Về hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Hồ N: Kết quả xác minh thể hiện N có cho 06 người vay tiền, với lãi suất 20%/24 ngày cộng thêm phí dịch vụ 5%, tổng số tiền mà N đã cho vay là 25 triệu đồng, N thu lợi được tổng cộng 10.850.000 đồng và mới hoạt động trong 02 tháng. Do chưa đến mức xử lý về hình sự, nên ngày 11/8/2023, UBND thành phố T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 8995/QĐ-XPHC) xử phạt Nguyễn Hồ N 15.000.000 đồng về hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền không cầm cố tài sản, nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự và xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175cm³ mà không có giấy phép lái xe”. Nguyễn Hồ N đã chấp hành nộp phạt các khoản tiền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/01/2025 và lời khai trong quá trình điều tra bổ sung, bị cáo Nguyễn Hữu C khai: Sau khi Tổ tuần tra đưa Nguyễn Hồ N về Công an phường T thì ông Nguyễn Duy T1 tiến hành thu giữ chiếc điện thoại hiệu Iphone 11 Pro của N và bảo N đọc mật khẩu để ông mở điện thoại, kiểm tra dữ liệu lưu bên trong. Sau khi kiểm tra, ông Nguyễn Duy T1 phát hiện có nhiều tin nhắn có nội dung cho vay tiền thì hỏi N và N thừa nhận có cho vay tiền lãi suất cao, N chủ động đặt vấn đề với Tổ tuần tra cho N chung chi tiền để bỏ qua vi phạm thì ông T1 chỉ đạo bị cáo đưa N xuống khu vực nhà bếp để làm việc cụ thể. Khi N đề xuất chung chi số tiền 100.000.000 đồng và xin gọi điện thoại cho người nhà để chuyển tiền thì ông T1 đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N và bắt N phải mở loa ngoài khi gọi, nên ông T1 và bị cáo đều nghe được. Khi vợ của N đã chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của N thì T1 chỉ đạo bị cáo chở N đi rút tiền, chỉ đạo Nguyễn Tuấn S và Huỳnh Ngọc T2 đi theo hỗ trợ. Sau khi đưa N đi rút tiền và nhận đủ 100.000.000 đồng thì bị cáo chở N về lại Công an phường T và báo cho ông T1 biết N đã đưa tiền xong thì ông T1 nói bị cáo giữ lại tiền để chia sau. Do ông T1 biết mật khẩu chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N nên bị cáo đưa lại chiếc điện thoại này cho ông T1, để ông xóa dữ liệu tin nhắn những người vay tiền, xóa hình ảnh và xóa ứng dụng internet banking, mục đích để N

không bị xử lý hình sự, vì trước đó ông T1 kiểm tra điện thoại này có chứa dữ liệu tin nhắn về việc N cho vay lãi nặng, đến mức phải xử lý hình sự. Sau khi ông T1 xóa xong tin nhắn trên thì đưa lại chiếc điện thoại này cho bị cáo giữ, còn chiếc điện thoại Nokia của N thì ông T1 không xóa dữ liệu, mục đích để làm căn cứ xử lý hành chính đối với N.

Bị cáo khẳng định lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2024 và các lời khai trước đó tại Cơ quan điều tra, có nội dung: Nguyễn Hồ N gửi cho bị cáo giữ 100.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 11 Pro để bị cáo đưa lại cho người nhà của N; sự việc chiếm đoạt tài sản của N do một mình bị cáo thực hiện, ông Nguyễn Duy T1 không chỉ đạo và không biết việc bị cáo chở N đi rút tiền, không biết bị cáo chiếm đoạt tiền và 01 điện thoại của N. Vì bị cáo nghĩ hành vi nhận giữ giùm tiền không phạm tội, nên che giấu không khai người chỉ đạo thực hiện là Nguyễn Duy T1. Đến phiên tòa sơ thẩm ngày 10/01/2025 bị cáo nhận thức những nội dung đã khai trước đó là không đúng, nên đã khai lại cho đúng sự thật.

Tại Cơ quan điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai như sau:

Nguyễn Hồ N khai: Sau khi Tổ tuần tra đưa N về trụ sở Công an phường T thì Nguyễn Duy T1 là người thu giữ chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh và chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N. T1 là người yêu cầu N đọc mật khẩu chiếc điện thoại Iphone 11 Pro để T1 mở màn hình, kiểm tra dữ liệu lưu giữ trong điện thoại, sau đó T1 và C đưa N xuống khu vực nhà ăn của trụ sở Công an phường T để làm việc. Quá trình C hỏi N và trao đổi N về số tiền mà N phải đưa để Tổ tuần tra bỏ qua lỗi vi phạm, chỉ xử phạt hành chính đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì Nguyễn Duy T1 ngồi bên cạnh, nhưng T1 có nghe hay không thì N không biết. T1 là người đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N cho Nguyễn Hữu C, để C đưa lại cho N gọi về vợ chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của N. Sau khi C chở N đến 02 trụ ATM rút tiền và giao 100.000.000 đồng cho C xong thì C chở N về lại trụ sở Công an phường T. Tại đây Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu C căn dặn N không được nói cho người nào biết việc đưa số tiền 100.000.000 đồng và trấn an N2 là mọi việc đã được C và T1 lo.

Lưu Đức G khai: Khoảng 17 giờ 44 phút ngày 10/7/2023 khi đang ở phòng trọ thì Nguyễn Hồ N có dùng nick name “Hồ Ngân S2” trên facebook gọi messenger cho G, nhờ G ra trụ ATM để rút tiền 50.000.000 đồng với lý do N không rút được tiền nữa, do vượt quá hạn mức rút tiền trong ngày. Lúc này N dùng số tài khoản của N chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản do G đứng tên và sau khi N chuyển tiền thì có chụp hình ảnh chuyển khoản thành công gửi cho G. Sau đó N điện thoại qua ứng dụng M nói Giàu ra cây ATM ở F N, phường T, thành phố T để rút tiền cho N thì G đồng ý. G điều khiển xe máy đến trụ ATM trên để rút tiền thì thấy N đang đứng đợi sẵn ở đó. G đi vào trụ ATM rút tiền 50.000.000 đồng, cụ thể rút 10 lần rồi cầm tiền ra đưa cho N và sau khi nhận tiền thì N nói G về đi.

Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tấn S3 khai: Ông Nguyễn Duy T1 là người chỉ đạo T2 và S3 hỗ trợ Nguyễn Hữu C đưa Nguyễn Hồ N đi xác định địa điểm người

vay tiền. Quá trình đưa N đi thu tài liệu thì C, T2 và S3 không phối hợp với Công an phường và cũng không lập biên bản. T2 và S3 khai không biết việc C chở N đi rút tiền, sau này mới nghe về việc C có nhận 100.000.000,00 đồng của N và dữ liệu camera tại trụ ATM trên đường N, phường B có ghi nhận hình ảnh T2 và S3 đứng bên ngoài đợi C và N. T2 và S3 khai nhận do còn thiếu kinh nghiệm nên không đi theo Chắt và N mà lại đứng bên ngoài chờ. T2 và S3 khai nhận những việc làm trên là sai quy trình công tác, do chủ quan và thiếu kinh nghiệm công tác. T2 và S3 khai không có liên quan gì và không biết gì đến việc C nhận 100.000.000 đồng của N.

Nguyễn Duy T1 khai: Khi đưa đối tượng N về trụ sở Công an phường T thì phát hiện N có dấu hiệu cho vay lãi nặng, nên T1 đã điện báo cáo cho ông Huỳnh Sơ Đ1 là Đội phó Đ2 Công an thành phố T biết. Thu kiểm tra và thu giữ 01 điện thoại di động Nokia màu xanh của N nhưng không lập biên bản. T1 thừa nhận có chỉ đạo C, T2 và S3 đưa N đi thu các giấy tờ tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền và xác định địa điểm người vay tiền của N, nhưng không phối hợp Công an phường. T1 không biết, không nghe báo cáo về việc N có điện thoại Iphone 11 Pro. T1 không chỉ đạo và không biết việc C đặt vấn đề nhận 100.000.000 đồng của N để bỏ qua, không xử lý hành vi cho vay lãi nặng. T1 không biết việc C, T2 và S3 đưa N đi rút tiền tại các trụ ATM.

Vật chứng tạm giữ trong quá trình điều tra vụ án và kết quả xử lý:

Các điện thoại di động của Nguyễn Duy T1, Huỳnh Ngọc T2, Nguyễn Tuấn S, Nguyễn Tấn P và Nguyễn Văn H2. Quá trình điều tra, xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý trả lại các điện thoại đã tạm giữ cho các chủ sở hữu trên.

Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S của Nguyễn Hữu C, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Hồ N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định chuyển sang Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền 100.000.000 đồng do Nguyễn Hữu C giao nộp, Cơ quan điều tra vào tài khoản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, số TK ghi có: 3949.0.9059775.00000, mở tại Kho bạc nhà nước Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản Cáo trạng số 496/CT-VKS-P3 ngày 24/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2025/HS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Hữu C 06 (sáu) năm tù, về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù

tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 24/11/2023). Phạt bổ sung Nguyễn Hữu C 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/4/2025, bị cáo Nguyễn Hữu C kháng cáo xin xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 26/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P3, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu C.

Ngày 21/5/2025, ông Nguyễn Hồ N kháng cáo đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm phần liên quan đến trách nhiệm hình sự của ông trong vụ án và trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là bị cáo Nguyễn Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồ N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Đưa hối lộ” là đúng người, đúng tội danh, đúng hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét vụ án, khi phát hiện người có hành vi vi phạm, bị cáo đã tự ý đưa người vi phạm xuống khu vực bếp, sau đó người vi phạm chủ động đề nghị nộp tiền để được bỏ qua vi phạm. Quá trình này có sự tham gia của các cá nhân Nguyễn Duy T1, Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S, song cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc các cá nhân này có dấu hiệu đồng phạm hay không, cũng như chưa xác định rõ hành vi đưa hối lộ của người vi phạm Nguyễn Hồ N. Như vậy, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với những người có liên quan.

Do đó, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và việc xác định đầy đủ, toàn diện trách nhiệm hình sự của người nhận hối lộ và người đưa hối lộ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu C nêu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như điều tra bổ sung chưa đánh giá toàn diện bản chất sự việc, nhiều tình tiết quan trọng còn mâu thuẫn, chưa được làm rõ, ảnh hưởng đến việc xác định đúng tính chất hành vi và vai trò của bị cáo. Cụ thể, Nguyễn Hồ N là người chủ động đặt vấn đề “chung chi” tiền cho tổ công tác gồm Nguyễn Hữu C và Nguyễn Duy T1 để được bỏ qua lỗi vi phạm, xuất phát từ tâm lý lo sợ bị xử lý hình sự, chứ không phải do bị cáo C yêu

cầu hay gọi ý. Tại nhà bếp của trụ sở Công an phường T, khi N và C trao đổi về việc nộp tiền, có Nguyễn Duy T1 cùng tham gia, trực tiếp kiểm tra điện thoại của N. Khi N gọi điện cho người nhà để chuẩn bị tiền, N mở loa ngoài để cả T1 và C cùng nghe.

Lời khai của N cũng thể hiện Nguyễn Duy T1 là người kiểm tra hai điện thoại và đọc mật khẩu cho T1 nghe. Sau khi N rút tiền lần thứ nhất, Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S – là thành viên của tổ tuần tra – đều biết sự việc và hỏi C “xong chưa”, C trả lời rằng N còn 50.000.000 đồng chưa rút được. Khi N tiếp tục đi rút tiền, T2 và S đi cùng, có chỉ dẫn vị trí cây ATM, và đứng cách N khoảng 3–4 mét, hoàn toàn có thể quan sát được toàn bộ việc rút tiền. Từ các tình tiết trên, người bào chữa cho rằng chưa thể khẳng định bị cáo Nguyễn Hữu C là người chủ động thực hiện hành vi đưa hối lộ, trong khi vai trò, hành vi của các cá nhân khác trong tổ công tác chưa được điều tra làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và đánh giá chưa khách quan chứng cứ.

Vì vậy, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu C, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ để điều tra, xét xử lại theo đúng pháp luật, nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N nêu ý kiến:

Tòa án sơ thẩm đã xác định không đúng bản chất vụ án. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu C không phải là “nhận hối lộ” mà là “lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, vì bị cáo chủ động lợi dụng chức vụ để ép buộc anh Nguyễn Hồ N giao 100 triệu đồng và điện thoại iPhone 11 Pro, chứ không thực hiện việc gì có lợi cho anh N. Do đó, anh N không phải là người đưa hối lộ mà là nạn nhân bị chiếm đoạt tài sản, cần được xác định là bị hại trong vụ án. Việc cấp sơ thẩm cho rằng ông N có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” là không đúng bản chất sự việc.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông N, theo hướng xác định: ông Nguyễn Hồ N là bị hại trong vụ án; bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và tuyên trả lại cho ông N tài sản bị chiếm đoạt gồm 100 triệu đồng và 01 điện thoại iPhone 11 Pro.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra đã xác định được; Khi Tổ tuần tra hình sự đặc nhiệm thuộc Đ2 Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Duy T1 làm tổ trưởng đưa Nguyễn Hồ N về trụ sở Công an phường T. Theo lời khai của bị cáo C và ông Nguyễn Hồ N tại đây ông Nguyễn Duy T1 lấy 02 chiếc điện thoại N và bảo N cung cấp mật khẩu của chiếc điện thoại Iphone 11 Pro, để ông mở màn hình, kiểm tra các dữ liệu lưu trong chiếc điện thoại này. Sau khi kiểm tra, ông T1 hỏi N, N thừa nhận có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao và xin Tổ tuần tra cho N nộp tiền, để bỏ qua vi phạm đó; ông T1 cùng bị cáo Nguyễn Hữu C đưa

N xuống nhà ăn của trụ sở Công an phường T, để làm việc. Tại đây, ông T1 đưa tờ giấy cho N và bảo N ghi họ tên, số điện thoại của những người vay tiền, N đã liệt kê thông tin của 06 người vay tiền đưa cho ông T1, còn bị cáo C thì hỏi N muốn xử lý thế nào và nếu bỏ qua vi phạm thì N phải chung chi cho Tổ tuần tra bao nhiêu tiền, N nói chỉ lo được nhiều nhất là 100.000.000 đồng. Theo chỉ đạo của ông T1, bị cáo lấy chiếc xe Mô-tô hiệu Vario, biển số 59B1-133.93 chở N đi đến nhà trọ của N ở phường C lấy tài liệu cho vay tiền có Huỳnh Ngọc T2 sử dụng chiếc xe Vario biển số 59M2-451.20 chở Nguyễn Tuấn S đi theo hỗ trợ cho bị cáo. Lấy tài liệu xong, bị cáo chở N về lại trụ sở Công an phường T và tại đây bị cáo nhắc lại lời đề nghị chung chi tiền của N. Ngân đề xuất số tiền phải chung chi cho Tổ tuần tra là 100.000.000 đồng. Do không đủ tiền mặt nên N xin bị cáo C cho N gọi điện thoại về người nhà để chuyển tiền vào tài khoản của N, để N rút tiền đưa cho bị cáo. Nguyễn Duy T1 đã đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của N cho bị cáo, để bị cáo đưa cho N gọi cho vợ lo tiền. Khi gọi cho N1 và cho T5 thì N mở loa ngoài nên bị cáo và Nguyễn Duy T1 nghe được nội dung cuộc hội thoại, vì lúc này Nguyễn Duy T1 ngồi bên cạnh bị cáo. Sau khi N cho bị cáo biết tiền đã được chuyển vào tài khoản của N thì bị cáo sử dụng chiếc xe Mô-tô hiệu Vario, biển số 59B1-133.93 chở N đến trụ ATM của ngân hàng T6, số C đường N, phường B, thành phố T để N rút tiền. Khi bị cáo chở N đi có Huỳnh Ngọc T2 dùng chiếc xe Vario biển số 59M2-451.20 chở Nguyễn Tuấn S đi theo để hỗ trợ. Vì hạn mức rút tiền trong ngày không quá 50.000.000 đồng, nên tại trụ ATM của ngân hàng T6 N chỉ rút được 50.000.000 đồng. Bị cáo bảo N bỏ tiền vào cốp xe của bị cáo đã mở sẵn, còn 50.000.000 đồng thì N chuyển tiền vào tài khoản của bạn là Lưu Đức G nhờ rút giúp, sau khi G rút được tiền bị cáo chở N đến trụ ATM này để lấy tiền, lấy tiền xong bị cáo chở N về lại Công an phường T. Tại đây, bị cáo gặp Nguyễn Duy T1 và báo cáo cho T1 biết toàn bộ sự việc, sau đó Nguyễn Duy T1 cùng bị cáo căn dặn N không được nói cho người nào biết việc đưa số tiền 100.000.000 đồng đồng thời trấn an Ngân là mọi việc đã được bị cáo và T1 lo.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Duy T1 bàn giao Nguyễn Hồ N cho Công an phường T để xử lý hành chính về hành vi cho vay lãi nặng và hành vi điều khiển xe không có Giấy phép lái xe. Khi Công an phường T tiến hành lấy lời khai thì N trình bày đã đưa 100.000.000 đồng cho Tổ tuần tra để không xử lý N về hành vi cho vay lãi nặng, nên Công an phường T báo cáo với Ban chỉ huy Công an thành phố T về sự việc mà N đã khai.

Ngày 11/7/2023, khi Chỉ huy Đ2 Công an thành phố T mời bị cáo đến làm việc thì bị cáo biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên đã tự nguyện giao nộp lại 100.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro của N cho Công an thành phố T để xử lý.

[2] Bị cáo Nguyễn Hữu C là người có chức vụ quyền hạn, được giao thực hiện nhiệm vụ tuần tra, mật phục, phòng chống tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản trên đường phố và nơi công cộng trên địa bàn thành phố T, nhưng khi phát hiện N có dấu hiệu cho vay nặng lãi, không có giấy phép lái xe; Trường hợp này theo

kế hoạch số 67 ngày 25/4/2025 của Công an Thành phố T đội tuần tra phải lập biên bản và chuyển N cho Công an phường xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên đội tuần tra trong đó có bị cáo C đã không thực hiện như trên mà đồng ý việc N gọi ý nhận tiền của N để không thực hiện nhiệm vụ trên. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm cũng khẳng định với hành vi trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Nhận hối lộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm còn cho rằng cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[3] Trong vụ án này, cần xem xét hành vi của bị cáo và những người có liên quan để xác định còn có dấu hiệu của tội phạm khác hay không, cụ thể như sau:

- Về hành vi của Nguyễn Hữu C và Nguyễn Hồ N:

Căn cứ lời khai của Nguyễn Hồ N, lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu C và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định Nguyễn Hồ N là người chủ động gọi ý và trực tiếp đưa số tiền 100.000.000 đồng cho Tổ tuần tra để được bỏ qua việc xử lý hành vi cho vay lãi nặng. Tuy nhiên để có đủ căn cứ xác định Nguyễn Hồ N có phạm tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 hay không, cần điều tra bổ sung làm rõ mục đích và động cơ của việc Nguyễn Hồ N đưa tiền có phải nhằm tác động để không bị xử lý vi phạm hay không; xác định mối liên hệ giữa việc đưa tiền và việc Tổ tuần tra không xử lý vi phạm; đồng thời làm rõ hậu quả của việc đưa tiền, cụ thể là sau khi giao tiền, Tổ tuần tra có bỏ qua việc xử lý vi phạm đối với Nguyễn Hồ N hay không. Hội đồng xét xử nhận thấy, những vấn đề nêu trên cần được làm rõ để bảo đảm việc xem xét, đánh giá hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hồ N được khách quan, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

- Về hành vi của Nguyễn Duy T1, tổ trưởng Tổ tuần tra:

Căn cứ lời khai của Nguyễn Hồ N, lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; Căn cứ Biên bản đối chất giữa Nguyễn Hồ N với Nguyễn Hữu C ngày 13/7/2023 (BL số 330), Biên bản đối chất giữa Nguyễn Hồ N với Nguyễn Duy T1 ngày 13/7/2023 (BL số 333) và các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được: Sau khi đưa Nguyễn Hồ N về trụ sở Công an phường T thì Nguyễn Duy T1 tiến hành thu giữ chiếc điện thoại di động N3 và chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro của N. Sau đó T1 đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro cho bị cáo Nguyễn Hữu C, để bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội và cất giữ. Do đó, cần làm rõ việc Nguyễn Duy T1 có thu giữ 02 chiếc điện thoại của Nguyễn Hồ N hay không, và thời điểm T1 cùng bị cáo Nguyễn Hữu C giao nộp 02 chiếc điện thoại này là khi nào. Việc làm rõ vấn đề trên là cần thiết để có cơ sở xem xét hành vi của Nguyễn Duy T1 có hay không dấu hiệu của tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ

sung nội dung này nhưng Viện kiểm sát không thực hiện là thiếu sót trong quá trình tố tụng.

Theo Bản tường trình ngày 11/7/2023 (BL số 198), các Biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2023 (BL số 193), ngày 13/7/2023 (BL số 190), ngày 12/7/2023 (BL số 182 - số 189), ngày 12/3/2024 (BL số 182) và Biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2024 (BL số 178) của Nguyễn Hồ N thì sau khi Nguyễn Hồ N thừa nhận với Tổ tuần tra là có hành vi cho vay lãi nặng và xin đưa tiền để Tổ tuần tra bỏ qua hành vi này thì Nguyễn Duy T1 cùng bị cáo Nguyễn Hữu C đưa N xuống nhà ăn của Công an phường T để làm việc. Nguyễn Duy T1 là người đưa tờ giấy và yêu cầu N ghi họ tên, số điện thoại của người vay tiền, còn bị cáo C thì trực tiếp hỏi N về hành vi cho vay lãi nặng và lúc bị cáo hỏi N thì ông T1 cũng đi qua lại tại phòng này. Sau khi C chở N đi về nhà trọ của N để lấy tài liệu và chở về lại trụ sở Công an phường T thì bị cáo C gợi ý lại đề xuất của N về việc chung chi tiền để Tổ tuần tra bỏ qua vi phạm thì Nguyễn Duy T1 ngồi bên cạnh, nhưng T1 có nghe được hay không thì N không biết. N khẳng định ông T1 là người đưa chiếc điện thoại Iphone 11 Pro cho bị cáo C và bị cáo đưa cho N gọi về người nhà chuyển tiền cho N. Sau khi bị cáo C chở N đi rút tiền và chở về lại Công an phường T thì có mặt ông T1 ở đó, ông T1 và bị cáo C đều căn dặn N không được nói cho người nào biết việc N đưa 100.000.000 đồng, mọi việc đã được bị cáo và ông T1 lo. Lời khai của Nguyễn Hồ N phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu C về diễn biến của vụ án và về hành vi của Nguyễn Duy T1. Mặt khác, Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S cũng thừa nhận ông Nguyễn Duy T1 là người phân công T2 và S đi hỗ trợ cho bị cáo C trong quá trình bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội.

Nguyễn Duy T1 khai rằng khi đưa Nguyễn Hồ N về trụ sở Công an phường T và khi phát hiện N có dấu hiệu cho vay lãi nặng thì T1 chỉ đạo Nguyễn Hữu C, Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S đưa N đi xác định địa điểm người vay tiền của N và thu giữ các giấy tờ tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền; T1 không biết việc C, T2 và S đưa N đi rút 100.000.000 đồng tại các trụ ATM. Lời khai này của Nguyễn Duy T1 không phù hợp với lời khai của Nguyễn Hữu C và Nguyễn Hồ N về hành vi của T1 thực hiện trong suốt quá trình xảy ra vụ án.

Để có căn cứ xác định Nguyễn Duy T1 có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Hữu C về tội “Nhận hối lộ” hay không? cần điều tra bổ sung làm rõ việc Nguyễn Duy T1 có chỉ đạo Nguyễn Hữu C chở Nguyễn Hồ N đi rút tiền hay không; có biết, thống nhất việc nhận 100.000.000 đồng từ Nguyễn Hồ N hay không; làm rõ việc T1 có phân công Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S đi cùng, hỗ trợ Chốt trong quá trình này hay không, mục đích của sự phân công đó là để thực hiện nhiệm vụ theo quy trình hay nhằm giúp sức cho việc nhận tiền. Đồng thời đối chiếu lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác để xác định rõ vai trò, ý thức chủ quan của Nguyễn Duy T1, qua đó có đủ cơ sở để xem xét, đánh giá toàn diện dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Hữu C.

Đồng thời, theo quy định tại mục 5 phần III của Kế hoạch số 67/KH-CATĐ-CSHS ngày 25/4/2023 của Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh quy định: “*Trong trường hợp đối tượng không rõ lai lịch, nghi vấn về giấy tờ tùy thân,*

không có giấy chứng nhận đăng ký xe, sử dụng phương tiện biển số giả, đối tượng nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, nghi vấn hoạt động phạm tội,...thì Tổ tuần tra lập biên bản bàn giao cho Công an phường nơi kiểm tra để tiếp tục xác minh, xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp nếu xét thấy cần thiết, Tổ tuần tra xin ý kiến BCH Đội CSHS về việc đưa đối tượng nghi vấn về trụ sở của đội để xác minh, khai thác, thu thập tài liệu...”. Do đó, cần làm rõ, nếu Nguyễn Hồ N không có đề xuất việc chung chi để bỏ qua vi phạm thì liệu Nguyễn Duy T1 có bỏ dở nhiệm vụ tuần tra để chỉ đạo Tổ tuần tra thực hiện các công việc trái với quy định hay không, hay sẽ bàn giao Nguyễn Hồ N cho Công an phường T xử lý theo đúng quy trình. Việc làm rõ nội dung này có ý nghĩa xác định động cơ, mục đích và bản chất hành vi của T1 trong vụ án.

- Về hành vi của Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S:

Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S là thành viên của Tổ đặc nhiệm và cùng đưa Nguyễn Hồ N về trụ sở Công an phường T. Mặc dù T2 và S có nghe được N đề xuất chung chi tiền để bỏ qua vi phạm hay không, nhưng biết việc chỉ đạo của Nguyễn Duy T1 là không đúng với quy trình công tác mà Kế hoạch số 67/KH-CATĐ-CSHS ngày 25/4/2023 của Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh quy định. Biết được vậy, nhưng Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S vẫn đi hỗ trợ cho bị cáo Nguyễn Hữu C trong quá trình bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần làm rõ nguyên nhân, mục đích việc T2 và S tham gia hỗ trợ; xác định việc này do chấp hành chỉ đạo của Nguyễn Duy T1 hay có sự thống nhất, đồng thuận trong việc giúp sức cho C nhận tiền của Nguyễn Hồ N, để có cơ sở đánh giá xem xét toàn diện dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Hữu C.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu làm rõ dấu hiệu phạm tội “Đưa hối lộ” của Nguyễn Hồ N, dấu hiệu tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” của Nguyễn Duy T1 và dấu hiệu tội “Nhận hối lộ” của Nguyễn Duy T1, Huỳnh Ngọc T2 và Nguyễn Tuấn S. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng các cá nhân nêu trên không có dấu hiệu phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra dấu hiệu phạm tội của các cá nhân nêu trên nhằm tránh bỏ lọt người, lọt tội.

[5] Để bảo đảm việc giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan và đúng quy định của pháp luật, cần xem xét việc cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội như đã nhận định nêu trên hay không. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục điều tra, truy tố và xét xử lại, nhằm làm rõ toàn bộ hành vi của những người có liên quan, bảo đảm việc xử lý được khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Trường hợp hủy án này, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi, vì trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định, có yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ các tình tiết vụ án.

[6] Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồ N.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm và các Luật sư đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Hữu C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Hồ N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2025/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu C cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồ N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (2)
- (để tổng đạt cho bị cáo)* (1)
- NLQ; (6)
- Lưu VT (6), HS (2) T.23 (BA-36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên